

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DSPT

Ngày 13- 02 – 2023

V/v "*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức, ông Văn Công Dân;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 365/2022/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2023/QĐ - PT ngày 05/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐ – PT ngày 18/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T – sinh năm 1975; Trú tại: Thôn T, xã E, huyện Krông N, tỉnh Đăk Lăk –Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H– sinh năm 1987; Trú tại: Tổ dân phố 4, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/12/2021) – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1966 và bà Trần Thị Kim A – sinh năm 1981; Cùng trú tại: Số 82 N, tổ dân phố 8, phường A, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk – Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đình B – sinh năm 1983; Trú tại: Số 865A H, phường T, thị xã B, tỉnh Đăk Lăk. (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/01/2022) - Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn M .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Htrình bày:

Vào ngày 14/8/2020, bà T có cho vợ chồng ông M và bà Kim A vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Khi vay bà Kim A là người trực tiếp viết giấy vay tiền. Phía dưới cùng của giấy vay tiền là chữ ký xác nhận của vợ chồng ông M và bà Kim A. Trong giấy vay tiền chỉ thể hiện số tiền vay, còn lãi suất vay và thời hạn vay hai bên thỏa thuận bằng miệng, cụ thể hai bên thỏa thuận lãi suất vay theo quy định của pháp luật (1.66%/tháng tương ứng với 20%/năm), thời hạn vay là 12 tháng, chậm nhất là ngày 14/8/2021 thì bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã vay cùng toàn bộ lãi suất (trước đó hai bên thỏa thuận thời hạn vay 3-4 ngày để bà Kim A đáo hạn ngân hàng, sau đó phía bị đơn xin kéo dài thời gian trả nợ và thống nhất thời gian vay là 12 tháng). Mục đích vợ chồng ông M bà A vay tiền về để làm gì thì đại diện nguyên đơn không biết.

Quá trình vay, vợ chồng ông M, bà A đã trả cho bà T số tiền gốc là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Số nợ còn lại, vợ chồng ông M, bà A cố tình trốn tránh không chịu trả nợ.

Nay nguyên đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Kim A phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng).

Về lãi suất, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1.66%/tháng nhưng phía bị đơn không đồng ý, do đó, về lãi suất, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng ông M, bà A phải trả lãi suất trên số nợ gốc 210.000.000 đồng theo quy định của pháp luật kể từ thời điểm vay cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đồng ý mức lãi suất thỏa thuận là 0,75%/tháng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 14/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

2. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Đình B trình bày:

Bị đơn thừa nhận số tiền vay, ngày vay tiền, và người viết giấy vay tiền, người ký giấy vay tiền là đúng như đại diện nguyên đơn trình bày. Về thời gian trả nợ, lãi suất vay, và người trực tiếp đứng ra vay thì nguyên đơn trình bày chưa đúng. Cụ thể như sau:

Về thời gian vay, hai bên không thỏa thuận thời gian cụ thể, chỉ khi nào nguyên đơn cần thì báo cho bị đơn trước một thời gian hợp lý (Khoảng 2-3 tháng) để bị đơn sắp xếp trả tiền, do đó việc đại diện nguyên đơn cho rằng thời gian vay là 12 tháng là không đúng.

Về lãi suất vay, hai bên thỏa thuận miệng với lãi suất là 9%/năm tương ứng 0.75%/tháng.

Về người trực tiếp đứng ra vay và nhận tiền vay là cá nhân bà Trần Thị Kim A, chỉ bà A đứng ra vay giúp bà Trang. Thời điểm này chỉ có bà Trang, bà A và bà T là 3 người trực tiếp thực hiện giao dịch vay mượn tiền và có lập giấy vay tiền. Tuy nhiên, chỉ sau ngày vay 3-4 ngày, do bà T yêu cầu ông M là chồng của bà Kim A phải có trách nhiệm với khoản vay này nên bà Kim A phải viết lại tờ giấy vay tiền khác và ông M ký vào giấy vay tiền lập ngày 14/8/2020. Còn tờ giấy vay tiền giữa cá nhân bà Kim A và bà T (Có sự chứng kiến của bà Trang) thì đã được xé bỏ cho nên bị đơn không cung cấp được giấy vay tiền này.

Do đó, về nghĩa vụ trả nợ, bà Trần Thị Kim A sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc là 210.000.000 đồng. Về lãi suất thì bà Trần Thị Kim A xin bà T không tính lãi.

Còn ông Nguyễn Văn M không vay tiền, không liên quan gì đến khoản vay này nên ông M không chịu trách nhiệm liên đới cùng bà Kim A trả nợ.

Về việc bà Kim A vay giúp bà Trang thì bà Kim A và bà Trang sẽ tự giải quyết riêng với nhau, không liên quan và bị đơn cũng không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại bản án số 32/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T .

Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Kim A phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 245.332.500 đồng, trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng, nợ lãi là 35.332.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 0,75%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 05/8/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn M kháng cáo toàn bộ bản án số 32/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án trên theo hướng không buộc ông Nguyễn Văn M phải trả số tiền mà bà Trần Thị Kim A nợ bà Nguyễn Thị T .

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đều giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn M, thấy rằng:

[2.1] Vợ chồng Nguyễn Văn M, bà Trần Thị Kim A thừa nhận có lập giấy vay tiền viết tay vào ngày 14/8/2020, có chữ ký của vợ chồng ông M, bà A. Chữ viết, chữ ký của vợ chồng ông M, bà A trong giấy vay tiền đề ngày 14/8/2020 được các bên thừa nhận đúng là chữ ký của mình. Bị đơn bà Trần Thị Kim A xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) theo giấy vay tiền nêu trên. Bà T xác nhận trong quá trình vay, vợ chồng ông M, bà A đã trả cho bà T số tiền 90.000.000 đồng, điều này phù hợp với lời khai của phía bị đơn thừa nhận về việc bị đơn bà Trần Thị Kim A đã trả cho bà T số tiền 90.000.000 đồng. Số nợ gốc 210.000.000 đồng còn lại, hiện vẫn chưa được trả cho nguyên đơn. Về lãi suất, các bên xác định mức lãi suất 0,75%/tháng.

[2.2] Ông M cho rằng người trực tiếp đứng ra vay và nhận tiền vay là bà Trần Thị Kim A đứng ra vay giúp bà Trang. Thời điểm này chỉ có bà Trang, bà A, bà T là ba người trực tiếp thực hiện giao dịch vay mượn tiền và có lập giấy vay tiền. Tuy nhiên, chỉ sau ngày vay 3 - 4 ngày, do bà T yêu cầu ông M là chồng của bà A phải có trách nhiệm với khoản vay này nên bà A phải viết lại tờ giấy vay tiền khác và ông M ký vào giấy vay tiền lập ngày 14/8/2020. Ông M đề nghị bà A phải có nghĩa vụ trả nợ; bà Trần Thị Kim A thừa nhận và cam kết chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ cho bà Nguyễn Thị T, do ông M không liên quan gì đến khoản nợ này nhưng bị đơn ông M, bà A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh đây chỉ là khoản nợ riêng của bà A. Mặt khác, phía nguyên đơn bà T không

đồng ý việc ông M không liên quan tới giấy vay tiền này, căn cứ vào giấy vay tiền khẳng định đây là khoản vay chung của hai vợ chồng ông M, bà A.

[3] Từ những nhận định [2.1], [2.2] nêu trên, có căn cứ khẳng định ông M cùng bà A đã vay bà T số tiền 300.000.000 đồng giấy vay tiền lập ngày 14/8/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M, bà A đã trả cho bà T số tiền gốc 90.000.000 đồng, số tiền còn lại ông M, bà A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông M cùng bà A phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 245.332.500 đồng (trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng, nợ lãi là 35.332.500 đồng) là có căn cứ. Do đó, xét kháng cáo của ông M là không có cơ sở chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong quá trình xét xử cấp sơ thẩm tuyên buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Kim A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 12.266.625 đồng án phí dân sự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc thi hành án số tiền có số lẻ nhưng không làm tròn số là gây khó khăn cho việc thi hành án dân sự. Để thuận tiện cho việc thi hành án dân sự thì cần phải sửa lại (làm tròn số) cho phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T .

Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Kim A phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền là 245.332.500 đồng (Hai trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng), trong đó nợ gốc là 210.000.000 đồng, nợ lãi là 35.332.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 0,75%/tháng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.650.000 đồng theo biên lai thu số 0008421 ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị Kim A phải chịu 12.266.625 đồng (làm tròn số: 12.266.500 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo các biên lai thu số 0018145 cùng ngày 09/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Đăng Công TTĐT TANDTC
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn